

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thúy Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

Bà Nguyễn Thị Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Trang –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Ánh T, sinh năm 2000, nơi cư trú: Xã Lập Lễ, huyện TN, thành phố Hải Phòng, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh LEE JONGHYUK, sinh năm 1985; địa chỉ: 445 Beonji Itae won-dong Yongsan-gu- Seoul-si, Hàn Quốc, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn chị Đinh Thị Ánh T trình bày:*

Chị và anh Lsinh ngày 25 tháng 9 năm 1985 gặp và quen nhau rồi làm lễ đính hôn tại Hải Phòng vào ngày 05 tháng 03 năm 2018. Sau đó, anh Ltrở về Hàn Quốc. Đến tháng 8, anh quay lại Việt Nam để làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị tại UBND huyện TN vào ngày 24 tháng 8 năm 2018. Sau đó anh Ltrở về Hàn Quốc để làm thủ tục bảo lãnh cho chị sang đoàn tụ. Tuy nhiên, chưa làm được thủ tục bảo lãnh thì giữa chị và anh Lphát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khác biệt về ngôn ngữ, lối sống, tính cách. Từ đó đến nay anh chị không liên

lạc với nhau nữa. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ nên chị T yêu cầu ly hôn với anh LEE JONGHYUK.

Về con chung: Chị Đinh Thị Ánh T và anh Lkhông có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh Lkhông có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong các bản tự khai của bị đơn đã được hợp pháp hóa lãnh sự gửi cho Tòa án, anh Ltrình bày:*

Anh thông nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị T. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Anh và chị Đinh Thị Ánh T không có con chung và không có tài sản chung, và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Ánh T và bị đơn anh Lvắng mặt nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đơn của anh Lđược xác nhận bởi Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn. Bị đơn anh Llà người Hàn Quốc và hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, nguyên đơn chị Đinh Thị Ánh T hiện đang sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Đinh Thị Ánh T và bị đơn anh Lđều vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Ánh T và anh Lkết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND huyện TN, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 8 năm 2018. Theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn giữa chị Đinh Thị Ánh T và anh Lphát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về ngôn ngữ, khác biệt về tính cách và quan điểm sống. Hiện tại anh Lđang ở Hàn Quốc, chị T ở Việt Nam, mỗi người ở một nơi. Chị T và anh Lđều thống nhất đề nghị được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa

chị Đinh Thị Ánh T và anh L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Đinh Thị Ánh T.

[3] Về con chung: Chị Đinh Thị Ánh T và anh L không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không cần xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không cần xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Ánh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Ánh T và anh L được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Ánh T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Ánh T được ly hôn với anh LEE JONGHYUK.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Ánh T và anh L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Ánh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số **0019229 ngày 27 tháng 01 năm 2021** tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đinh Thị Ánh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Đinh Thị Ánh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS tp.Hải Phòng
- UBND huyện TN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Bùi Thị Thúy Hà**